

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 375/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Hồng N, sinh năm: 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Hoài P, sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Hồng N trình bày: chị và anh P tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ cưới tổ chức vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị và anh P đã nhiều lần tìm giải pháp để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, hiện tại chị và anh P đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, chị và anh P không thể nào chung sống hạnh phúc được Na nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung không có; về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2021, bị đơn anh Nguyễn Hoài P trình bày: Anh xác định chị N trình bày về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung là đúng. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý; về tài sản và nợ chung chị N không yêu cầu giải quyết anh thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Lê Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoài P nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Hoài P có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Hoài P với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện nhưng có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị N và anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Hoài P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị N trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân được chị N và anh P xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, đã nhiều lần tìm giải pháp để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Đến năm 2020 chị N và anh P đã không còn chung sống vợ chồng. Hai bên cũng đã tìm giải pháp để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Từ đó, chứng minh rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, tại bản khai anh P cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: chị N, anh P xác định con chung không có nên miễn xét

[2.3] Về tài sản và nợ chung: chị N, anh P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị N phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005683 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Hoài P.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005683 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương